TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU KHU VỰC 8 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 558/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 08 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều;

Bà Lê Thị Thương;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 474/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn S, xã D, Thành phố H; có mặt.

***- Bị đơn*:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn G, xã D, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị O trình bày: tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 15 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã C, huyện H, Thành phố H nay là UBND xã D, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 8 năm thì tôi và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là chúng tôi không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T có những lời lẽ xúc phạm danh dự cá nhân tôi, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của tôi. Mâu thuẫn của vợ chồng dù đã được hoà giải nhưng chúng tôi không thể đoàn tụ, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chính vì vậy, tôi làm đơn này kính mong Quý Toà xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là cháu Nguyễn Văn Xuân T1, sinh ngày 29/11/2012; cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 21/10/2020.

Hiện cả ba cháu đều đang ở với anh T. Tôi đồng ý để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con. Do hiện nay tôi không có điều kiện công việc ổn định nên tôi không thể cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công sức: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: không có.

- Bị đơn, anh Nguyễn Văn T xin vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai của đương sự anh T trình bày: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị O ngày 15 tháng 10 năm 2012 tại UBND xã C, huyện H, Thành phố H nay là UBND xã D, Thành phố H. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất hòa. Bản thân tôi cũng không còn tình cảm gì với chị O nữa, tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: là cháu Nguyễn Văn Xuân T1, sinh ngày 29/11/2012; cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 21/10/2020.

Hiện các con đang ở với tôi và tôi là người trực tiếp chăm sóc các con trực tiếp hàng ngày. Sau khi tôi và chị O ly hôn, tôi tôn trọng quyền quyết định của các con. Nếu ly hôn, các con ở với tôi thì tôi không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: quá trình chung sống tôi mua tặng chị O 1 chiếc xe máy SH, có 01 mảnh đất bố mẹ tôi mua không yêu cầu Toà án giải quyết.

Công sức và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị O, xử cho chị O và anh T ly hôn. Về con chung: chị O và anh T có 3 con chung là cháu Nguyễn Văn Xuân T1, sinh ngày 29/11/2012; cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 21/10/2020. Giao cả 3 con cho anh T nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ nuôi con cho chị O đến khi anh T có yêu cầu. Chị O được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức: không xem xét. Về công nợ: không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh T có nơi thường trú tại xã D, Thành phố H. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 8 - Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhưng các đương sự không thể tự thỏa thuận với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2012 tại UBND xã C, huyện H nay là xã D, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị O, anh T chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị O và anh T đã sống ly thân từ năm 2024, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị O và anh T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị O và anh T có 3 con chung là cháu Nguyễn Văn Xuân T1, sinh ngày 29/11/2012; cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 21/10/2020.

Hiện nay 3 con đang ở với anh T. Các cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả 3 cháu, nếu được nuôi cả 3 con anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị O hiện không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên nhất trí giao cả 3 con cho anh T nuôi dưỡng.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự cần chấp nhận giao cả 3 cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, công sức: hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về công nợ: không có.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O.

1. Chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: chị O và anh T có 3 con chung là cháu Nguyễn Văn Xuân T1, sinh ngày 29/11/2012; cháu Nguyễn Văn Gia H, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 21/10/2020.

Giao cả 3 con cho anh T nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ nuôi con cho chị O đến khi anh T có yêu cầu. Chị O được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung; công sức: không xem xét.

4. Về công nợ: không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị O đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001577 ngày 17 tháng 07 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H; chị O đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hà Nội;
- UBND xã D, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thuý

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**